TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2017.
V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà ông: **Nông Văn Tôn**
*Các hội thẩm nhân dân **:***
1. Ông: Hoàng Quang Thanh; Nghề nghiệp: Cán bộ .
2. Ông: Hoàng Văn Quyết; Nghề nghiệp: Cán bộ .
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà ông: Đàm Nhật Hoàng - thư ký TAND huyện Bảo Lâm – tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa ông: Nguyễn Bá Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2017/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đối với:

+ Nguyên đơn: Nguyễn Văn V, sinh năm: 1983
HKTT: Thôn 1, xã Y, huyện M, tỉnh Hà Giang
Dân tộc: tày ; Nghề nghiệp: lao động tự do *(có mặt)*

+ Bị đơn: Nông Thị T, sinh năm: 1988
HKTT: Khu C - Thị trấn B– huyện L – Cao Bằng
Dân tộc: tày ; Nghề nghiệp: giáo viên *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn Nguyễn Văn V trình bày:

Tôi và chị Nông Thị T (trú tại: Khu C - Thị trấn B– huyện L – Cao Bằng) có được tìm hiểu, yêu đương, đến năm 2011 hai bên gia đình tổ chức ăn hỏi và đón chị T về nhà tôi chung sống. Ngày 30 tháng 3 năm 2013 gia đình chị T có tổ chức

đám cưới mời họ hàng, còn gia đình tôi vẫn chưa tổ chức đám cưới cho tôi và chị T, mà chúng tôi chỉ sống với nhau như vợ chồng, và chúng tôi cũng chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi chung sống với nhau một thời gian dài, đến khoảng tháng 6 năm 2015 thì chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như sinh hoạt hàng ngày, sự việc đã được hai bên gia đình, xóm xã hòa giải nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung, nên sự việc hòa giải không thành. Đến khoảng tháng 8 năm 2015 chúng tôi sống ly thân cho đến bây giờ, về tình cảm vợ chồng đã không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống với nhau chúng tôi không có con chung.

Nợ chung: chúng tôi không nợ ai.

Về tài sản: quá trình chung sống chúng tôi có tạo lập được một số tài sản sau: 01 mảnh đất tại Pác Bang, Khu 4, Bảo Lâm, Cao Bằng mua với giá là: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng chẵn*); 01 chiếc xe máy trị giá 38.000.000đ (*Ba mươi tám triệu đồng chẵn*) số tài sản này do bản thân tôi tự bỏ tiền riêng cá nhân để mua. Nhưng ngày 05 tháng 7 năm 2017 hai vợ chồng chúng tôi đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2017 bị đơn Nông Thị T trình bày: tôi và anh V có được tìm hiểu yêu đương, đến năm 2011 hai bên gia đình tổ chức ăn hỏi, đến năm 2013 gia đình bố mẹ tôi có tổ chức đám cưới mời anh em trong gia đình dòng họ, nhưng gia đình anh V đến giờ vẫn chưa tổ chức đám cưới cho vợ chồng chúng tôi, nên từ trước đến nay chúng tôi chỉ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Mặc dù nhiều lần tôi dục anh V đi đăng ký kết hôn nhưng anh V cứ lấy lý do này, lý do nọ, bận công việc không đi được. Quá trình chung sống thời gian đầu chúng tôi vẫn sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2013 khi tôi dục anh V đi đăng ký mà anh V không đi, tôi cũng không biết mục đích của anh là như thế nào, lâu dần chúng tôi xảy ra mâu thuẫn cãi vã dẫn đến không thể hàn gắn được, nhiều lần anh V có những lời lẽ xúc phạm bản thân và gia đình tôi, chúng tôi đã ly thân từ tháng 8 năm 2015, nay anh V yêu cầu xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí theo yêu cầu của anh V.

Về con chung: chúng tôi không có con chung

Nợ chung: chúng tôi không nợ ai.

Về tài sản: quá trình chung sống vợ chồng tôi có một số tài sản sau: 01 mảnh đất tại Pác Bang, Khu 4, Bảo Lâm, Cao Bằng mua với giá là: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng chẵn*); 01 chiếc xe máy trị giá 38.000.000đ (*Ba mươi tám triệu đồng chẵn*) đối với số tài sản này ngày 05 tháng 7 năm 2017 hai vợ chồng chúng tôi đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhận: Anh Nguyễn Văn V và chị Nông Thị T có được tìm hiểu và đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố anh Nguyễn Văn V và chị Nông Thị T không phải là vợ chồng.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017 anh Nguyễn Văn V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc, Tòa án đã thụ lý vụ án tiến hành lấy lời khai, thông báo phiên tiếp cận công khai chứng cứ (*không hòa giải phần tình cảm).*

Tại phiên tòa anh V nhất quyết yêu cầu ly hôn với chị T vì tình cảm không còn, đã ly thân từ lâu, chị T đồng ý theo yêu cầu của anh V.

Về phần con chung: hai vợ chồng không có con chung;

Về nợ chung: hai vợ chồng không có nợ chung.

Về phần tài sản chung: hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận phân chia và không yêu cầu giải quyết, cụ thể hai vợ chồng thảo thuận như sau: anh Nguyễn Văn V được sở hữu 01 mảnh đất có diện tích 87,5m^2 ở Pác Bang, khu 4, TT Pác Miầu, Bảo Lâm, Cao Bằng; Chị Nông Thị T được sở hữu 01 chiếc xe máy Honda Air Blade và có trách nhiệm trả thêm cho anh V số tiền: **20.000.000đ** *(Hai mươi triệu đồng chẵn).* Hội đồng xét xử nhận định việc các bên tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận trên và không xem xét gì thêm là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu quan điểm như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 240, 249, 250, 251, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố anh Nguyễn Văn V và chị Nông Thị T không phải là vợ chồng.

+ Về con chung: các đương sự không có con chung.

+ Về tài sản chung: các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Nguyễn Văn V và chị Nông Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: các đương sự không có con chung.

3. Về tài sản: các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

+ Nguyên đơn Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước *(Xác nhận anh Nguyễn Văn V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm theo biên lai số: AB/2012/01106, ngày 30/6/2017)*.

Anh V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, đã tuyên quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh CB;*
- *VKS cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Y, huyện M, HG;*
- *UBND Thị trấn B;*
- *Chi cục Thi hành án;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nông Văn Tôn